

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 05/02/2021

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
mua bán”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Nguyễn Duy Oanh.
 2. Đặng Văn Hai.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:** Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TLST-DS, ngày 16/10/2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-DS ngày 04/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2010/QĐST-DS ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hà Minh Đ, sinh năm: 1976 là Chủ hộ kinh doanh. Địa chỉ: Khóm 1, TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).
- **Bị đơn:** Trần Thị Lệ T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khóm, TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là Hà Minh Đ trình bày:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2019 gần tết năm 2020 chị T có đến cửa hàng của ông Đ mua giỏ quà bán tết với tổng số tiền 70.109.000 đồng, sau khi mua hàng chị T đã thanh toán được số tiền 35.000.000 đồng số còn lại đến nay chưa trả ông Đ đã nhiều lần đến nhà chị T đòi nhưng chị T hứa hẹn mà không thực hiện, ông Đ chỉ mua bán với bà T nên chỉ yêu cầu bà T trả số tiền trên không yêu cầu gì đối với bà Trần Thị Đan T. Nay Hà Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thị Lệ T trả cho Hà Minh Đ số tiền còn nợ là 35.109.000 đồng, lãi 1.748.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 36.857.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 Trần Thị Lệ T trình bày:

Bà T thừa nhận là bà T có lại cửa hàng của ông Đ mua hàng hóa sau khi thanh toán thì bà T còn thiếu lại số tiền là 35.109.000 đồng, bà T đồng ý trả số tiền trên cho ông Đ nhưng không đồng ý trả lãi, trong những lần mua hàng tại cửa hàng ông Đ và còn thiếu lại số tiền trên thì bà T có đứng ra bảo lãnh mua cho bà Trần Thị Đan T nên nay bà T yêu cầu Bà T cùng bà trả số tiền trên cho ông Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hà Minh Đ khởi kiện yêu cầu Trần Thị Lệ T trả tiền nợ mua bán đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán. Các đương sự cư trú tại TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Trần Thị Lệ T quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Lệ T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thị Lệ T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hà Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thị Lệ T trả cho Hà Minh Đ số tiền còn nợ là 35.109.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 02/2020 đến tháng 07/2020 là $6 \text{ tháng} \times 0,83\%/01 \text{ tháng} = 1.748.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 36.857.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông Đ là giấy ghi nợ. Bị đơn Trần Thị Lệ T thừa nhận có mua hàng hóa của ông Đ và còn thiếu lại số tiền 35.109.000 đồng nhưng những lần mua hàng còn nợ lại số tiền trên thì bà T cũng có đứng ra bảo lãnh mua cho bà Trần Thị Đan T nên yêu cầu bà T cùng bà trả số tiền trên cho ông Đ, không đồng ý trả tiền lãi.

Xét lời trình bày của Trần Thị Lệ T là không có cơ sở vì theo giấy ghi nợ thì bà T có hứa đến ngày 15/02/2020 sẽ thanh toán xong nhưng đến nay không trả nợ là vi phạm thỏa thuận; Đối với tiền lãi khi mua hàng không có thỏa thuận tiền lãi nhưng đến hạn trả nợ Trần Thị Lệ T không trả nên ông Đ tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ tháng 02/2020 đến tháng 7/2020 là $6 \text{ tháng} \times 0,83\%/01 \text{ tháng} = 1.748.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 36.857.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”.

...

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Trần Thị Lệ T cho rằng những lần mua hàng hóa tại cửa hàng ông Đ như trên thì bà Thủy còn đứng ra bảo lãnh mua cho bà Trần Thị Đan Thanh nên bà Thủy yêu cầu bà Thanh cùng bà Thủy trả số tiền trên cho ông Đ nhưng Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà có khởi kiện gì đối với bà Thanh hay không và đã tổng đạt đầy đủ văn bản cho bà Thủy nhưng bà Thủy không có khởi kiện gì đối với bà Thanh, ông Đ cũng không yêu cầu gì đối với bà Thanh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430 Điều 440, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Minh Đ.
2. Buộc Trần Thị Lệ T trả cho Hà Minh Đức tiền vốn còn nợ là 35.109.000 đồng, tiền lãi 1.748.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 36.857.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.
4. Về án phí, tạm ứng án phí:
 - Bà Trần Thị Lệ T phải nộp 1.843.000 đồng (Một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
 - Ông Hà Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Hà Minh Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 939.000 đồng (Chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0005460, ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/02/2021). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Cao Diễm

